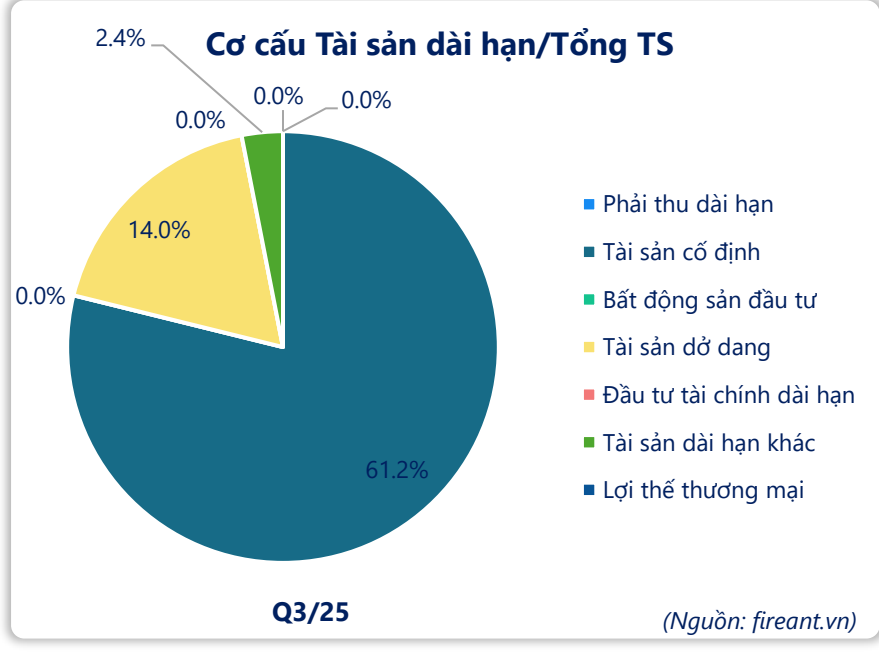
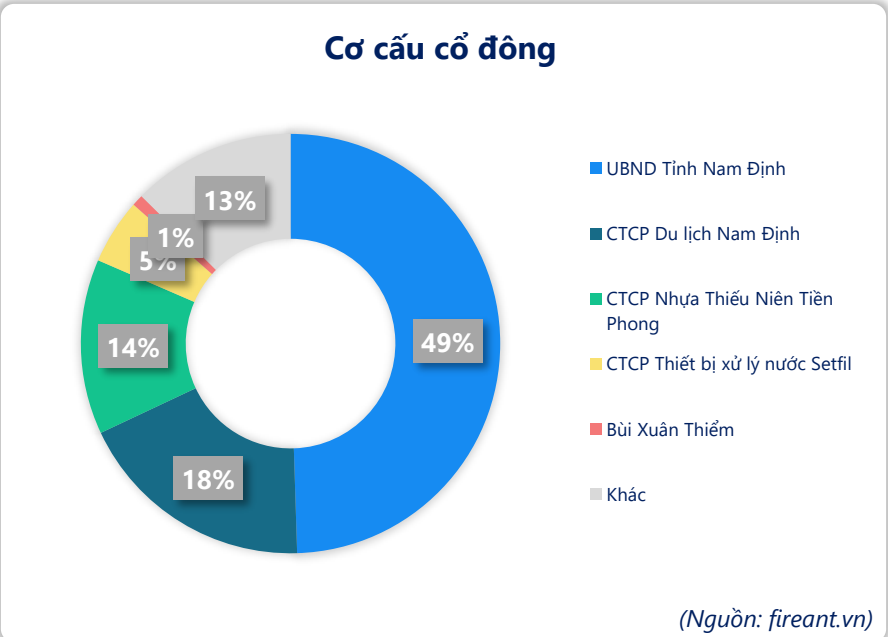
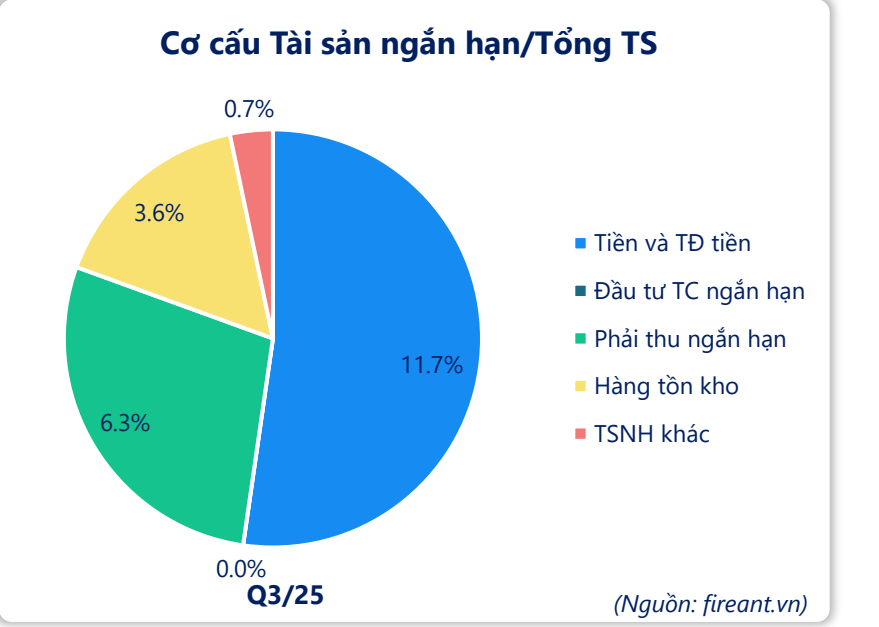
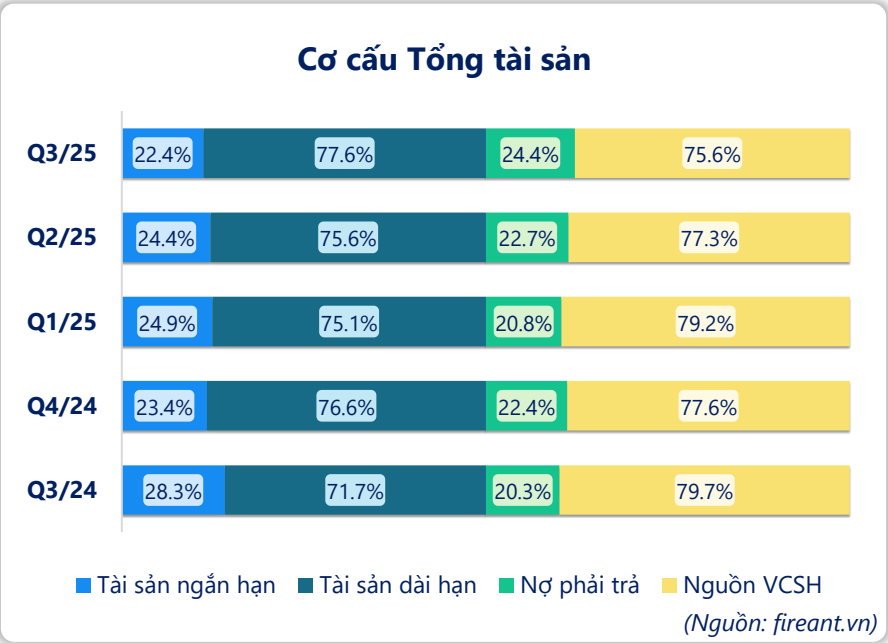
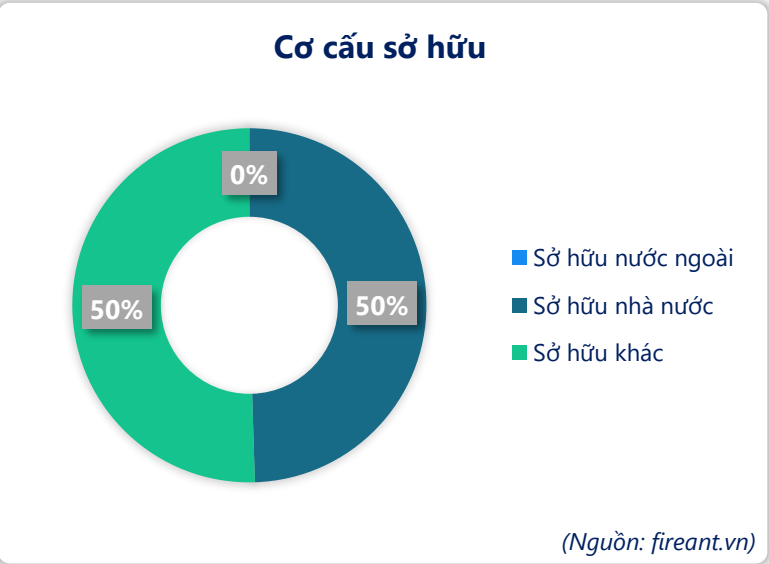
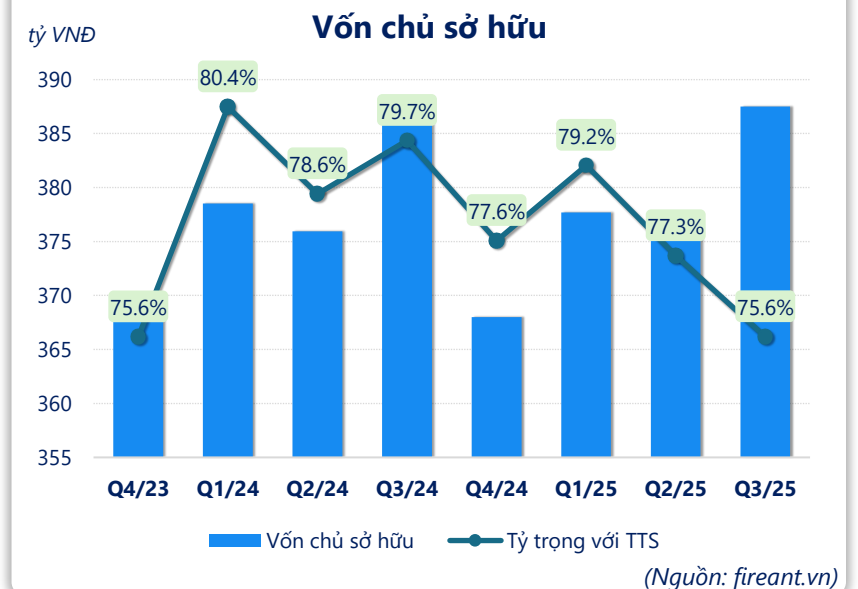
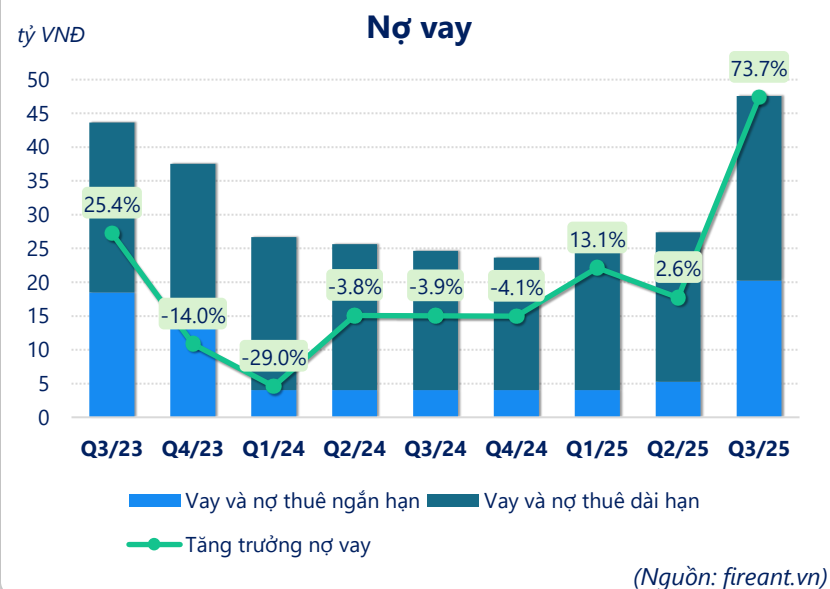
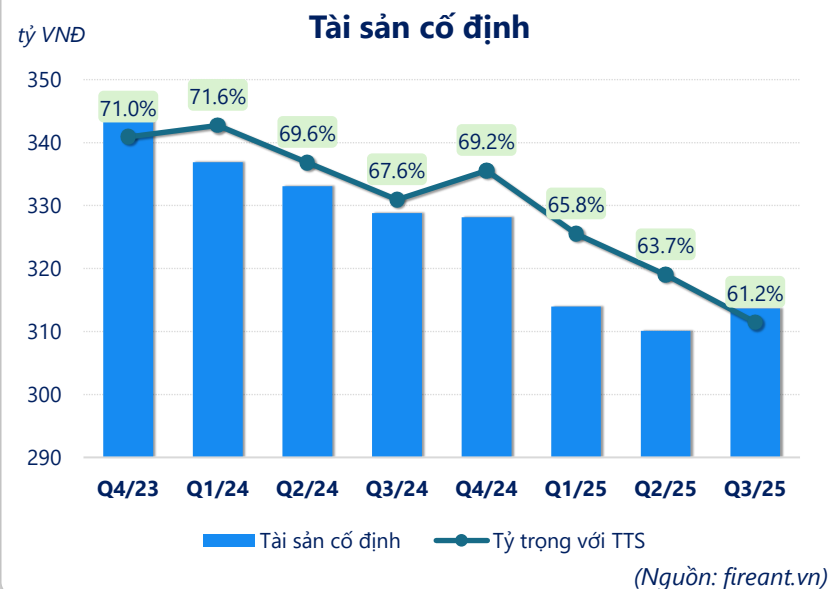
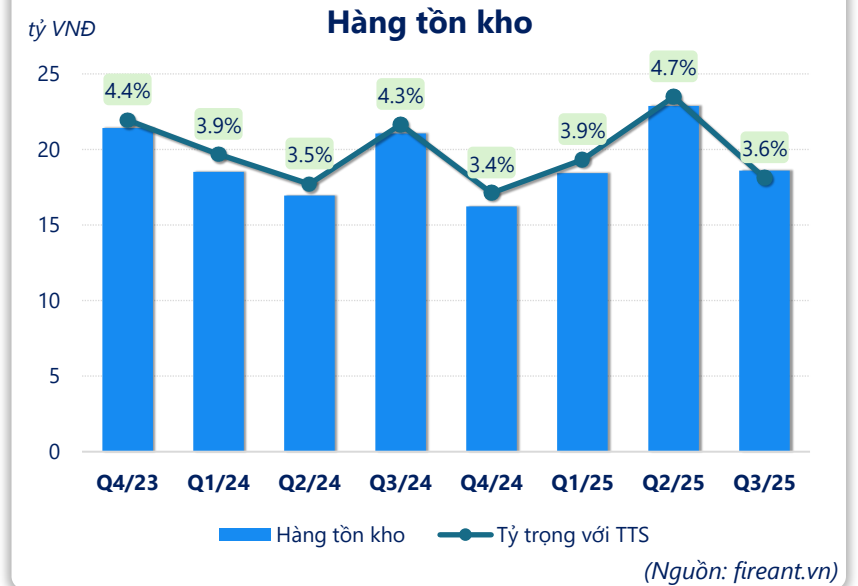
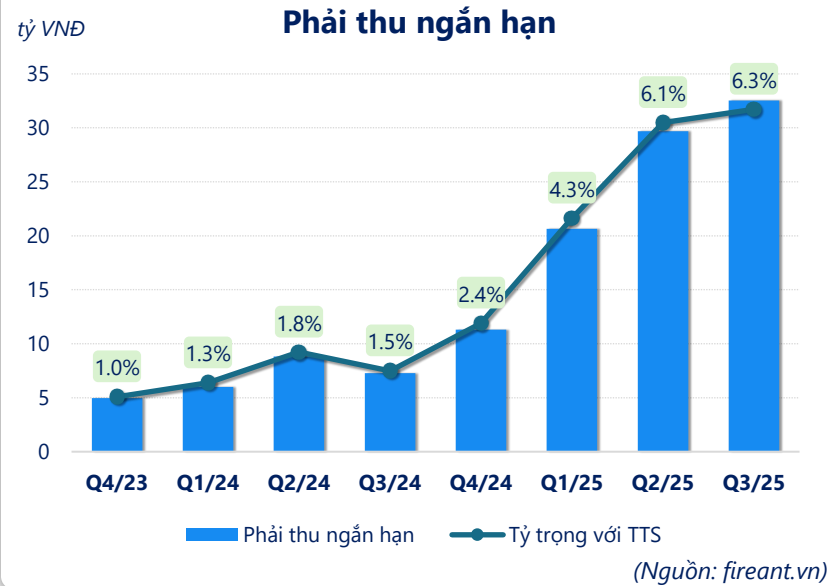
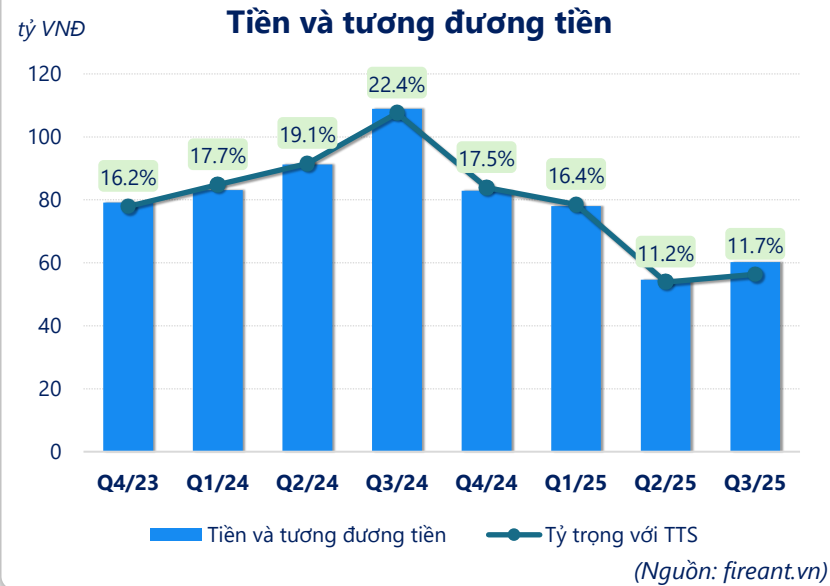
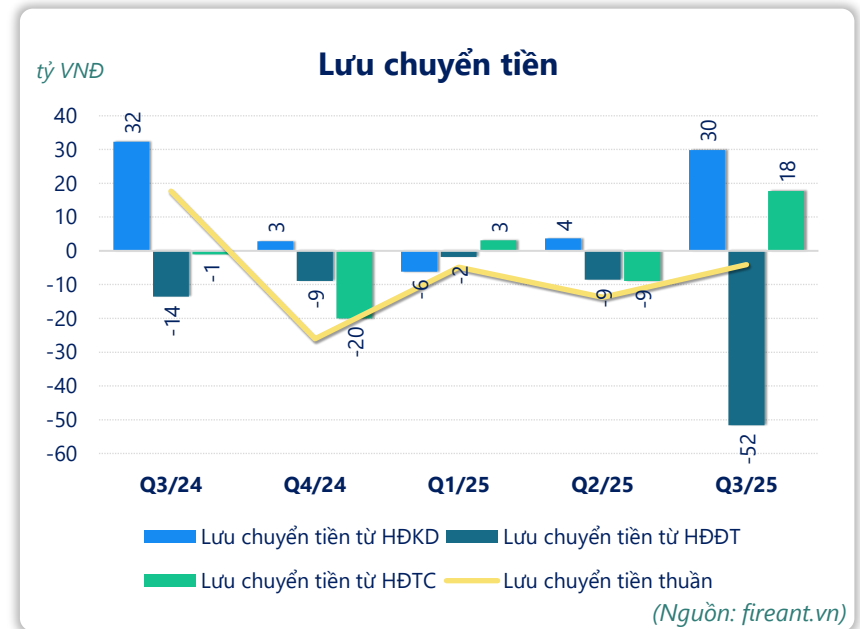
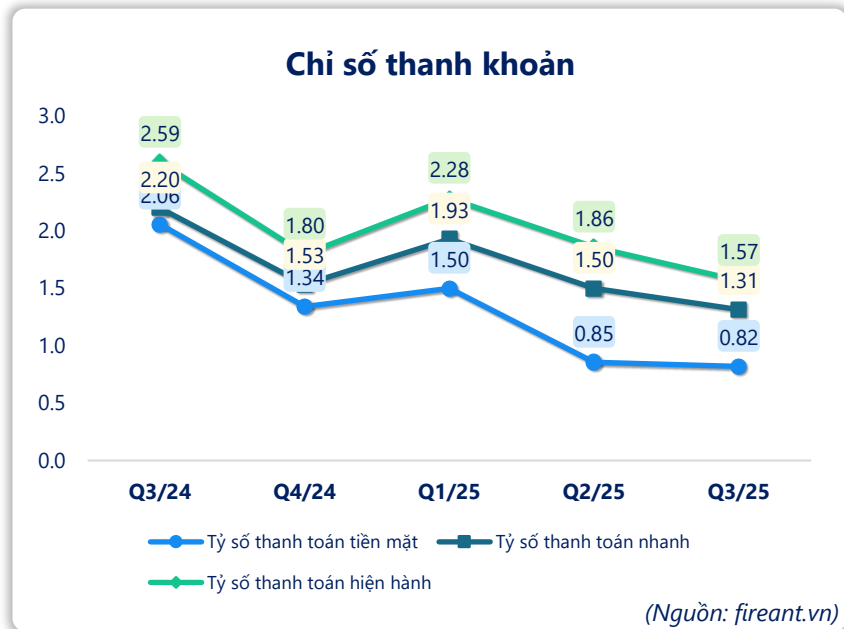
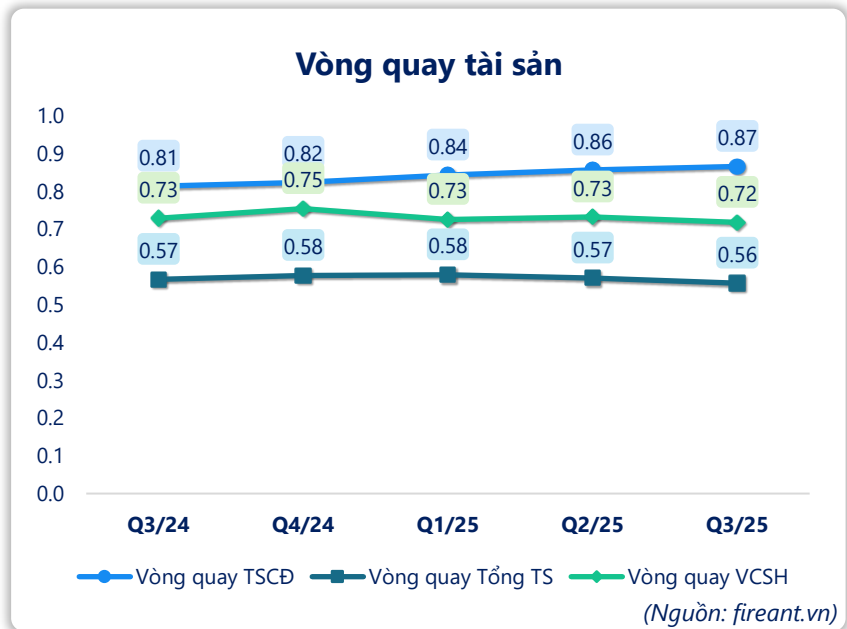
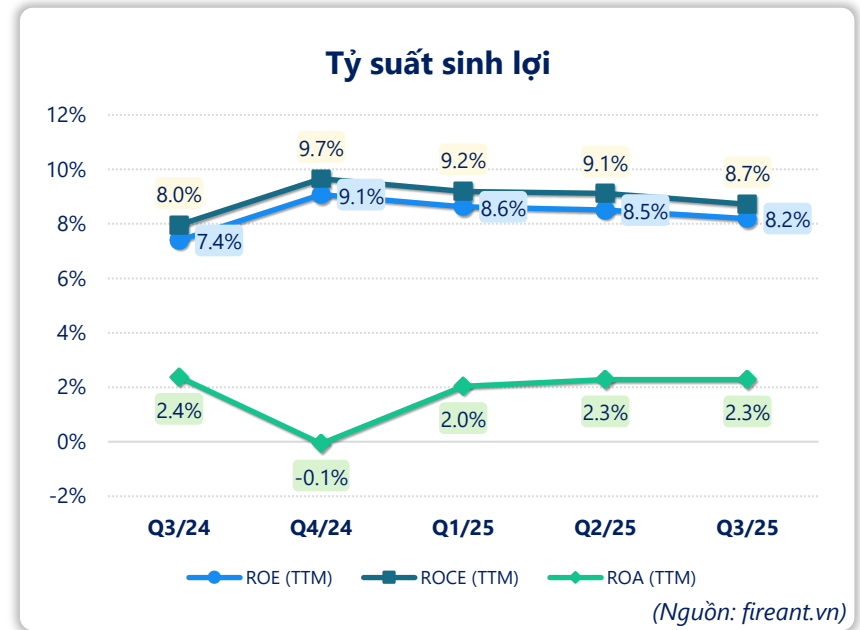
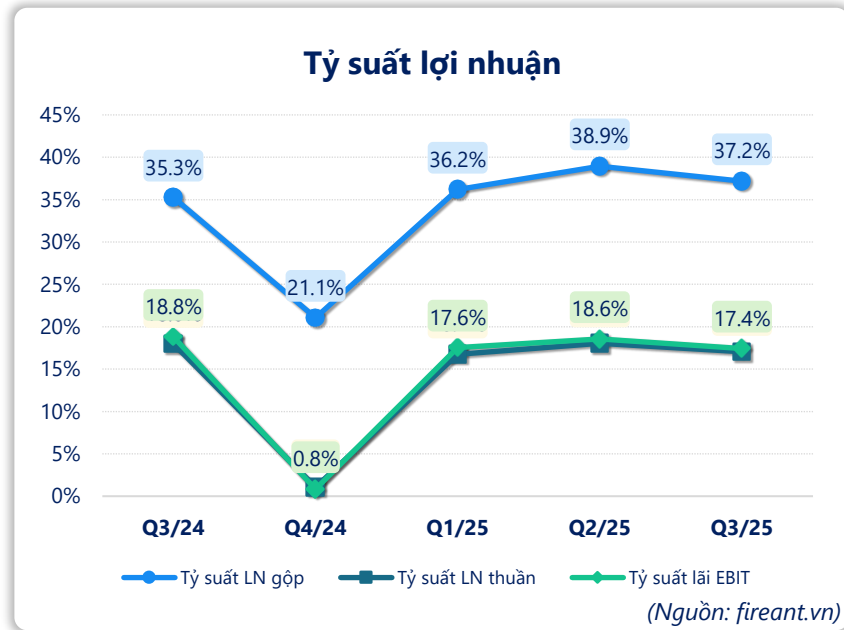
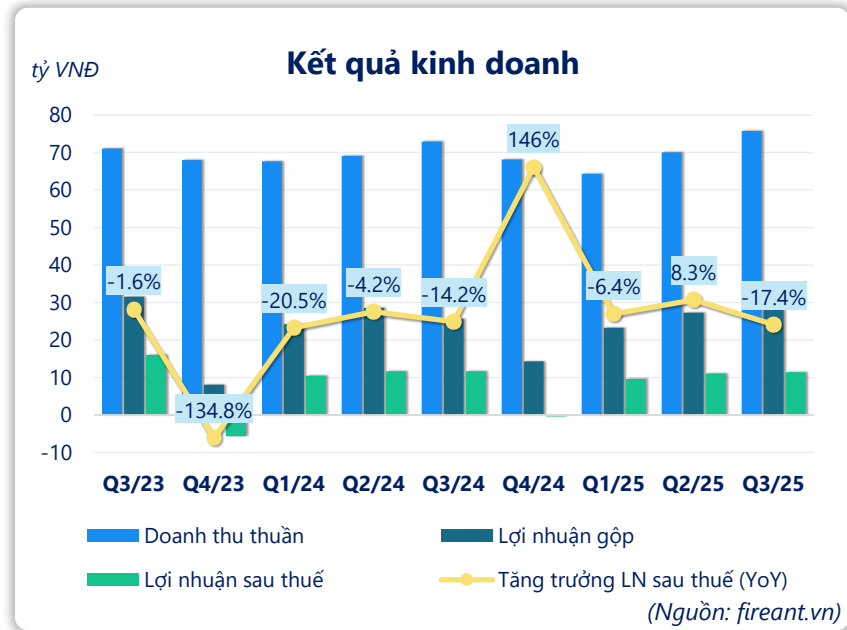


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,700
SL cổ phiếu LH		34,228,048
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		489
P/E		15.4
EPS		928

	YTD	1T	3T	6T
NDW	113.4%	14.4%	18.2%	113.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	513	472	8.8%
Tài sản ngắn hạn	115	111	3.8%
Tiền và tương đương tiền	60.2	82.9	-27.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	32.5	11.3	188%
Hàng tồn kho	18.6	16.0	16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.81	0.76	401%
Tài sản dài hạn	398	361	10.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	314	326	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	71.9	18.0	299%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.2	16.9	-27.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	125	104	21.1%
Nợ ngắn hạn	73.5	59.1	24.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.2	4.05	399%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.99	2.92	70.5%
Nợ dài hạn	51.9	44.4	16.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	27.3	19.6	39.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	388	368	5.3%
Vốn chủ sở hữu	388	368	5.3%
Vốn điều lệ	343	343	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	72.9	68.1	64.3	70.0	75.7
Giá vốn hàng bán	47.2	53.8	41.0	42.8	47.6
Lợi nhuận gộp	25.7	14.4	23.3	27.3	28.1
Doanh thu HĐTC	0.29	0.34	0.55	0.27	0.17
Chi phí TC	0.57	0.58	0.54	0.50	0.56
Chi phí lãi vay	0.57	0.58	0.54	0.50	0.56
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.57	7.08	6.15	7.25	7.16
Chi phí QLDN	5.74	6.31	6.36	7.15	7.71
LN thuần từ HĐKD	13.1	0.73	10.8	12.6	12.9
Lợi nhuận khác	0.03	-0.73	-0.02	-0.15	-0.26
LN trước thuế	13.1	0.00	10.7	12.5	12.6
Lợi nhuận sau thuế	11.6	-0.34	9.65	11.0	11.4
LNST của CĐ cty mẹ	11.6	-0.34	9.65	11.0	11.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.3	2.88	-6.15	3.70	29.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.6	-8.93	-1.82	-8.56	-51.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.01	-20.0	3.09	-8.90	17.7
Tiền đầu kỳ	91.2	109	82.9	78.0	64.3
Lưu chuyển tiền thuần	17.7	-26.0	-4.88	-13.8	-4.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	109	82.9	78.0	64.3	60.2

(Nguồn: fireant.vn)